

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá thực hiện chương trình 135
giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện nội dung Công văn số 160/UBND-VP135 ngày 18/02/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Tỉnh Quảng Ngãi nằm trong vùng duyên hải Miền Trung, có diện tích tự nhiên khoảng 5.152,95 km² với tổng dân số trên 1,25 triệu người. Năm 2016, toàn tỉnh có 14 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 06 huyện miền núi, 06 huyện đồng bằng và 01 huyện đảo; có 184 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 166 xã, 09 phường và 09 thị trấn (83 xã, thị trấn miền núi, 03 xã đảo); có 1.138 thôn, tổ dân phố, gồm 917 thôn, 221 tổ dân phố.

Đầu giai đoạn 2016-2020, vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh có 06 huyện miền núi là huyện nghèo thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ (đến năm 2018 có 01 huyện Sơn Hà được công nhận thoát nghèo); có 83 xã được công nhận là xã vùng cao, miền núi (bao gồm 67 xã thuộc 06 huyện miền núi và 16 xã miền núi thuộc 06 huyện đồng bằng). Đến năm 2020, vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh còn lại 05 huyện với 79 xã. Đây là khu vực sinh sống chủ yếu của người đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh với 03 dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời là H're, Co, Ca dong với dân số khoảng 185.337 người chiếm khoảng 14,8%; trong đó, dân tộc H're có 132.744 người, dân tộc Co có 32.820 người, dân tộc Ca dong có 19.773 người và một số các dân tộc thiểu số khác cư trú trên địa bàn tỉnh với số dân khoảng trên 500 người.

Theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vào diện đầu tư của Chương trình 135, tỉnh Quảng Ngãi có 50 xã ĐBKK, xã An toàn khu và 47 thôn ĐBKK thuộc vào diện đầu tư của Chương trình 135.

Về kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, năm 2016, vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh có 58/67 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được trong suốt cả năm (còn 09/67 xã chỉ có thể tiếp cận trong mùa khô, trong đó huyện Ba Tơ có 07 xã, huyện Tây Trà có 02 xã); 179/396 thôn chưa được cứng hóa đường giao thông từ trung tâm xã về thôn (chiếm 45% tổng số thôn của vùng DTTS và miền núi). Trên địa bàn 06 huyện vùng cao có 13/67 xã có chợ trung tâm xã; 67/67 xã có trạm y tế trong đó có 30% số xã có trạm y tế đạt chuẩn; tỷ lệ hộ được sử dụng điện là 90,4%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 77%; tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình là 90,75% và tỷ lệ hộ nghe đài tiếng nói Việt Nam là 95,6%.

Về tình hình hộ nghèo, đầu năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo của cả tỉnh là 15,19% và cận nghèo là 8,84%; trong đó vùng đồng bào DTTS và miền núi có tỷ lệ hộ nghèo là 46,76% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,91%. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn ĐBKK là 61,66% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 11,06%.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình

Chương trình 135 ở cấp tỉnh được điều hành bởi Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 được thành lập tại Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 và được kiện toàn tại Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình 135; theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 2 hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ hoặc đột xuất.

Trong quá trình thực hiện, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói chung và Chương trình 135 nói riêng, cụ thể: HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 thông qua kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; số 24/2017/NQ/HĐND ngày 30/3/2017 quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: Số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; số 271/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 ban hành Quy chế phân cấp quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 -

2020; số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và nhiều văn bản phân khai kế hoạch vốn thực hiện Chương trình hàng năm. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, chính sách, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc,... trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Ngoài việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững theo quy định của Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi ban hành một số chính sách để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào DTTS và miền núi như: Chính sách về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi; Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS ở vùng miền núi của tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm; Chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021; Đề án nâng cao hiệu quả phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020; Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà...

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Chương trình 135 không được bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền riêng mà chỉ thực hiện lồng ghép trong các hoạt động tuyên truyền chung về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, chính sách dân tộc khác. Trong những năm qua, công tác thông tin, tuyên truyền của Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh triển khai lồng ghép tại các hội nghị tập huấn như: Các khóa tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở (Tiểu dự án 3); các khóa tập huấn, tuyên truyền cho người có uy tín trong đồng bào DTTS.... Năm 2017, đã tiếp nhận và triển khai, cấp phát các pano, tờ gấp tuyên truyền về Chương trình 135 do Ủy ban Dân tộc cung cấp đến các xã thực hiện Chương trình 135.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

Hàng năm, căn cứ kế hoạch được UBND tỉnh giao cho các đơn vị, địa phương, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các địa phương quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức kiểm tra tiến độ, kịp thời phát hiện và kiến nghị các cấp chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

Thực hiện Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông và Ban Dân tộc tỉnh tổ chức các Đoàn kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó có kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn các huyện, xã. Trên cơ sở kiểm tra, giám sát, UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục những tồn tại vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Công tác huy động nguồn lực

Tổng kế hoạch vốn của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 (sau điều chỉnh) là 493.563 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung Ương là 444.503 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 310.923 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 133.580 triệu đồng), ngân sách địa phương là 41.460 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 9.355 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 32.105 triệu đồng) và vốn huy động khác là 7.600 triệu đồng.

Trong giai đoạn 2016-2020, tổng vốn đã huy động để thực hiện Chương trình là 430.653 triệu đồng, đạt 87,25% tổng kế hoạch vốn. Trong đó, ngân sách TW là 418.115 triệu đồng, đạt 94,06%; ngân sách địa phương là 2.219 triệu đồng, đạt 5,35% (ngoài việc bố trí vốn lồng ghép thực hiện các dự án thuộc chương trình 135, trong những năm qua ngân sách địa phương đã bố trí vốn đối ứng cho cả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là 283,750 triệu đồng, đạt 95,05% tổng kế hoạch vốn đối ứng); vốn huy động khác là 10.319 triệu đồng, đạt 135,78% kế hoạch.

Như vậy, kết quả bố trí kinh phí cho giai đoạn 2016 – 2020 từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương chưa đạt kế hoạch đề ra. Riêng, vốn huy động khác vượt 35,78% so với kế hoạch đề ra.

Định mức vốn phân bổ cho các Tiểu dự án là tương đối thấp; trong khi đó địa bàn thực hiện là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống không tập trung, có điều kiện kinh tế - xã hội còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo cao và đời sống của người dân chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan như giá cả thị trường, thiên tai... Nguồn kinh phí Trung ương bố trí để thực hiện Chương trình 135 trong giai đoạn 2016-2020 chỉ tương đương với giai đoạn 2009-2015; do đó, các địa phương rất khó để thực hiện đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng đạt chuẩn theo quy định. Đối với Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững như hiện nay của Chương trình (bình quân mỗi xã khoảng 220 triệu đồng/năm) thì mỗi năm chỉ thực hiện hỗ trợ cho 10 đến 15 hộ nghèo phát triển sản xuất trong khi đó tỷ lệ hộ nghèo ở các xã này rất cao.

5. Đánh giá kết quả thực hiện các nguyên tắc, cơ chế của Chương trình

- Về nguyên tắc phân bổ vốn: Thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 và UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số

38/2017/QĐ-UBND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; theo đó, việc phân bổ vốn cho các xã ĐBKK, xã ATK thực hiện Chương trình 135 được thực hiện theo hệ số K được quy định tại Quyết định nêu trên, bảo đảm nguyên tắc không bình quân chia đều cho các xã.

Trên cơ sở thông báo kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tỉnh Quảng Ngãi, các sở, ngành và địa phương liên quan đã phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh phân khai kịp thời kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 cho các địa phương, đơn vị theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ theo quy định.

- *Về đánh giá kết quả thực hiện Nghị định của Chính phủ: Số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 và số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018:* UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 về danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP đối với việc thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 ban hành các tập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình trường học, mầm non, mẫu giáo; các công trình xây dựng đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh. Theo đó, giao Ban Dân tộc tỉnh tổ chức tập huấn nội dung, quy trình triển khai thực hiện Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 cho các địa phương; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên chưa áp dụng được.

- *Về nguyên tắc xã làm chủ đầu tư:* UBND huyện là cấp quyết định đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện. Đối với Tiểu dự án 1 hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và Tiểu dự án 2 hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ĐBKK, xã ATK, thôn ĐBKK, đã phân cấp 100% cho UBND xã thực hiện Chương trình 135 làm chủ đầu tư các dự án này. Đối với Tiểu dự án 3 Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã ATK, thôn ĐBKK, UBND tỉnh đã giao cho Ban Dân tộc tỉnh triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm của Ủy ban Dân tộc.

Tuy nhiên, hiện nay năng lực của UBND các xã chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Vì vậy, mặc dù phân cấp cho UBND các xã làm chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 nhưng một số xã phải ký hợp đồng với các Ban Quản lý dự án cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

- *Về nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của cộng đồng:* Các nội dung thực hiện, nguồn vốn thực hiện Chương trình 135 đều được các địa phương triển khai thực hiện công khai, dân chủ để người dân được tham gia ngay từ khâu lập kế hoạch đến việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Về nguyên tắc xã có công trình, dân có việc làm tăng thêm thu nhập: Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, trong quá trình thực hiện các dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng, các địa phương đã yêu cầu các đơn vị thực hiện sử dụng lao động, tạo việc làm công theo đúng quy định. Hầu hết các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh đều sử dụng lao động phổ thông tại địa phương khi triển khai thực hiện, tạo thu nhập cho người dân vùng thụ hưởng chương trình.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020 (DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẾN CUỐI NĂM 2020)

1. Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Về kế hoạch vốn giao: Tổng kế hoạch vốn để thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong giai đoạn 2016 - 2020 là 308.712 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương phân bổ là 306.953 triệu đồng; ngân sách địa phương là 1.759 triệu đồng.

- Về số công trình được đầu tư: Tổng số công trình CSHT đầu tư, nâng cấp 471 công trình (năm 2020 mới chỉ giao kế hoạch đợt 1 danh mục các công trình CSHT), gồm: 295 công trình giao thông; 73 công trình thủy lợi; 13 công trình điện sinh hoạt; 58 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng (bao gồm cả công trình xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình tường rào, cổng ngõ và sân nhà sinh hoạt cộng đồng); 08 công trình trạm chuyển tiếp phát thanh xã; 09 công trình giáo dục; 13 công trình nước sinh hoạt tập trung và 02 công trình hạ tầng khác. Đến nay, có 410 công trình thuộc kế hoạch 2016-2019 đã hoàn thành đưa vào sử dụng; 61 công trình thuộc kế hoạch năm 2020 đang triển khai thực hiện.

- Về kết quả giải ngân: Đến cuối năm 2019 đã thực hiện giải ngân được 240.574 triệu đồng, đạt 77,92% kế hoạch vốn TW giao (số liệu giải ngân vốn là của giai đoạn 2016-2019, năm 2020 đang thực hiện).

b) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng

- Về kế hoạch vốn giao: Tổng kế hoạch vốn để thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng giai đoạn 2016-2020 là 17.292 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương.

- Về số công trình được duy tu bảo dưỡng: Tổng số công trình đã được phân bổ vốn để thực hiện duy tu bảo dưỡng giai đoạn 2016-2019 là 113 công trình, gồm: 46 công trình giao thông; 23 công trình thủy lợi; 13 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng; 03 công trình trường học và 28 công trình nước sinh hoạt tập trung. Đến nay, tất cả công trình duy tu bảo dưỡng trong giai đoạn 2016-2019 đã hoàn thành việc duy tu bảo dưỡng.

- Về kết quả giải ngân: Đến nay, các địa phương đã thực hiện giải ngân được 11.478 triệu đồng, đạt 66,38% kế hoạch vốn TW giao (*số liệu giải ngân vốn là của giai đoạn 2016-2019, năm 2020 đang thực hiện*).

2. Tiểu dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở

Về công tác triển khai thực hiện: Năm 2016, UBND tỉnh giao UBND các huyện triển khai thực hiện nội dung này. Từ năm 2017, thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 về Kế hoạch và Chương trình khung Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở giai đoạn 2017-2020. Trên cơ sở đó, hàng năm UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh rà soát nhu cầu đào tạo của các địa phương và lập kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Về kế hoạch vốn giao: Tổng kế hoạch vốn được TW thông báo để thực hiện Tiểu dự án này trong giai đoạn 2016-2020 là 12.593 triệu đồng; UBND tỉnh đã phân bổ cho UBND các huyện là 2.390 triệu đồng (kế hoạch năm 2016) và Ban Dân tộc tỉnh là 10.203 triệu đồng (trong đó: năm 2017 là 1.592 triệu đồng, năm 2018 là 3.193 triệu đồng, năm 2019 là 2.390 và năm 2020 là 3.028 triệu đồng).

- Về kết quả thực hiện:

+ Năm 2016: UBND các huyện miền núi đã thực hiện 57 lớp tập huấn cho 2.992 lượt người tham dự, các nội dung tập huấn tập trung vào kiến thức về Giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình 135 và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển kinh tế hộ gia đình.

+ Năm 2017: Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 23 lớp tập huấn, kiến thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo bền vững tại địa bàn thực hiện Chương trình 135 cho 984 người dân, cộng đồng thuộc các thôn ĐBKK, xã ĐBKK, xã ATK; tổ chức 04 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình 135 cho 131 người là thành viên Ban Giám sát cộng đồng các xã ĐBKK, xã ATK và tổ chức 01 chuyên học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình 135 tại các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai.

+ Năm 2018: Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 06 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quy trình triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Quản lý dự án thuộc Chương trình 135 cho 280 cán bộ công chức cấp xã; tổ chức 10 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135; tổ chức 06 lớp tập huấn về thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thực hiện theo cơ chế đặc thù cho 186 người; tổ chức 22 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phát triển kinh tế hộ gia đình cho 780 người dân

ở thôn, xã ĐBK, xã ATK; tổ chức 01 chuyển học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình 135 tại các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng,...

+ Năm 2019: Theo kết luận của Kiểm toán, việc nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở phải gắn với từng công trình, dự án, tổ, nhóm cụ thể, thời gian thực hiện phải phù hợp với thời gian xây dựng công trình, chu kỳ dự án, lịch hoạt động tổ, nhóm; Ban Dân tộc tỉnh đã có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc nhưng không nhận được văn bản hướng dẫn; vì vậy trong năm 2019 Tiểu dự án này không được triển khai thực hiện.

- Về kết quả giải ngân: Tổng kinh phí đã giải ngân được 5.658,348 triệu đồng, đạt 45% kế hoạch vốn giao.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được.

Cùng với các chương trình, dự án, chính sách khác được thực hiện trong thời gian qua, Chương trình 135 đã góp phần quan trọng trong việc làm thay đổi cơ bản hệ thống hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, góp phần thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho sự phát triển của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh từ 46,76% vào đầu năm 2016 xuống còn 26,41% vào cuối năm 2019. Trong giai đoạn 2016-2019, toàn tỉnh đã có 03 xã và 15 thôn ĐBK thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 theo quy định tại Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình 135 trong những năm qua đã giúp nâng lực sản xuất của người dân ở vùng đặc biệt khó khăn được nâng lên, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Ở nhiều vùng, đồng bào dân tộc thiểu số đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi và trồng trọt với các loại cây, con giống mới, có năng suất, chất lượng cao, phần nào đã thay đổi tập quán canh tác lạc hậu lâu nay. Đã góp phần tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, hướng sản xuất gắn với thị trường. Chương trình đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của đồng bào các dân tộc vùng ĐBK, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc về các quyền và nghĩa vụ của mình trong các chương trình, chính sách, tạo cơ sở để nhân dân tham gia ngày càng rộng hơn, sâu hơn vào việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện, giám sát các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn của mình.

2. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

- Về giảm tỷ lệ hộ nghèo: Trong giai đoạn 2016-2019, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm từ 15,19% xuống còn 7,69%, bình quân mỗi năm giảm 1,88%; tỷ lệ giảm hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt 5,09%/năm; tỷ lệ giảm hộ nghèo ở các xã, thôn ĐBK đạt 6,63%/năm; tỷ lệ

giảm hộ nghèo là đồng bào DTTS đạt 5,56%/năm. Như vậy, chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối năm 2019, có 03 xã đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, đạt 25% so với kế hoạch đến năm 2020 (12 xã); dự kiến đến cuối năm 2020 đạt 100% mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối năm 2019 có 15 thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, đạt 83,33% so với kế hoạch đến năm 2020 (18 thôn); dự kiến đến cuối năm 2020 đạt 100% mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối năm 2019, có 46 xã ĐBKK có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải, đạt 100% so với kế hoạch đến năm 2020 (100%); có 78% thôn ĐBKK có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông - Vận tải, dự kiến đến cuối năm 2020 đạt 80,05%, đạt mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối năm 2019, có 60,8% xã ĐBKK (28/46 xã) đạt tiêu chí quốc gia về y tế, đạt mục tiêu đề ra. 100% xã có trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đạt mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối năm 2019, có 100% xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân, đạt mục tiêu của Chương trình. Có 15,2% xã ĐBKK (5/46 xã) có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới, không đạt mục tiêu của Chương trình.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 75,07%, đạt mục tiêu của Chương trình.

- Có 78,2% xã ĐBKK (36/46 xã) có cơ sở hạ tầng thủy lợi đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch năm 2019 (100%) và kế hoạch đến năm 2020 (100%).

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động, đạt 100% so với kế hoạch năm 2019 (100%) và kế hoạch đến năm 2020 (100%)

- 100% hộ dân thuộc địa bàn xã, thôn ĐBKK được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Do đặc thù của địa bàn thực hiện Chương trình 135 của tỉnh chủ yếu là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống không tập trung, điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống của người dân còn thấp; là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất của tỉnh; vì vậy, mặc dù Chương trình 135 cùng với các chương trình, chính sách khác của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 đã tạo được những thay đổi mang tính căn bản về hạ tầng, về điều kiện cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, song việc thực hiện giảm nghèo bền vững ở vùng ĐBKK còn nhiều khó khăn, các hộ thoát nghèo nhưng thiếu bền vững, tỷ lệ hộ thoát nghèo nhưng chuyển sang cận nghèo còn khá cao. Số lượng hộ thoát nghèo vọt lên khá giả hạn chế và có nguy cơ tái nghèo cao khi có tác động của các yếu tố bên ngoài.

Một số địa phương chưa xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực có khả năng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững do thị trường thường xuyên biến động, chưa tạo lập mối liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình sản xuất phù hợp với người đồng bào, có hiệu quả kinh tế cao chậm được nhân rộng. Sản xuất nông nghiệp dễ bị tổn thương do các yếu tố về thời tiết, dịch bệnh và giá cả thị trường nông sản. Tình trạng sản xuất manh mún, phân tán ở nông hộ là một trong những lực cản lớn trong tiến trình tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, giám sát ở một số địa phương còn chưa được quan tâm đúng mức. Hoạt động của Ban Giám sát cộng đồng ở các xã, thôn ĐBKK còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động của Chương trình chưa thực hiện thường xuyên, chưa thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của Ban giám sát cộng đồng tại địa phương. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát sau khi hỗ trợ của cấp xã, cấp huyện chưa được quan tâm thực hiện.

Việc hướng dẫn một số nội dung hợp phần phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo chưa kịp thời (*đến ngày 09/10/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT*). Việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có nhiều nội dung chưa cụ thể, còn vướng mắc; có nhiều nội dung cần thông qua HĐND tỉnh nên việc triển khai chưa kịp thời.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là: Sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị xã hội các cấp, đặc biệt là cấp xã có vai trò quan trọng và then chốt trong việc thực hiện có hiệu quả của Chương trình. Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện dự án được thực hiện một cách dân chủ, công khai nhằm phát huy mạnh mẽ, chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng. Xác định, phân loại hộ nghèo để đầu tư, hỗ trợ cho những hộ gia đình có tư liệu sản xuất, có lao động nhằm mang lại hiệu quả.

Hai là: Thiết lập cơ chế phân bổ ngân sách công bằng, minh bạch và có tính khuyến khích cao, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc huy động nguồn lực tại chỗ cũng như lồng ghép với các nguồn khác, tránh hỗ trợ mang tính cào bằng; hỗ trợ cho đối tượng có đủ điều kiện và cam kết thực hiện dự án.

Ba là: Công tác tuyên truyền được quan tâm, duy trì thường xuyên là quan trọng trong việc góp phần nâng cao nhận thức, giúp thay đổi tư duy trong sản xuất. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức tập huấn với các hình thức như trực quan nhằm giúp người dân thay đổi tư duy trong sản xuất, đồng thời chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân; giải thích cụ thể từng nội dung Chương trình đầu tư.

Bốn là: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không thất thoát, nhất là công tác kiểm tra của cấp chính quyền cơ sở đối với việc sử dụng, chăm sóc các loại giống cây trồng, vật nuôi của từng hộ gia đình sau khi hỗ trợ từ dự án. Kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí của chương trình không đúng mục đích, không có hiệu quả.

Năm là: Địa phương cần phát huy tính dân chủ trong việc chọn hộ cho đến việc chọn giống cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của hộ thụ hưởng khi tham gia Chương trình, để sản xuất theo quy mô sản xuất hàng hóa. Thực hiện xúc tiến thương mại, liên kết thị trường giữa người sản xuất và doanh nghiệp là cần thiết để giúp cho người sản xuất an tâm, mạnh dạn đầu tư và mở rộng sản xuất.

B. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

I. VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, đề nghị Trung ương xem xét tích hợp Chương trình 135 vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

Về cơ chế thực hiện: Đề nghị Trung ương quy định nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ; cơ chế quản lý thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng ĐBKK, nhất là trong điều kiện trình độ quản lý của cán bộ cấp xã vùng ĐBKK còn hạn chế. Cho phép cấp tỉnh quy định chi tiết về nội dung và mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương (*phân cấp cho UBND tỉnh quyết định sau xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh*).

Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Đề nghị hỗ trợ trên cơ sở mô hình, dự án của hộ dân tự xây dựng, triển khai theo phương pháp tiếp cận chuỗi giá trị; nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện dự án, phần còn lại hộ dân có đối ứng hoặc vay vốn từ ngân hàng CSXH để cùng thực hiện.

Hỗ trợ mô hình lớn, có liên kết chuỗi giá trị gia tăng, có tính lan tỏa, có nhiều lao động tham gia và hiệu quả kinh tế cao.

II. VỀ NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ

Đề nghị nâng mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các Tiểu dự án trong giai đoạn 2021-2025 lên gấp 2 lần so với mức hỗ trợ của giai đoạn 2016-2020. Việc phân bổ kinh phí đảm bảo tập trung, không dài trải, nhỏ lẻ trên cơ sở nhu cầu của đối tượng, địa bàn thực hiện. Đề nghị Trung ương thông báo tổng kế hoạch vốn hàng năm của cả Chương trình (không thông báo chi tiết đến từng Tiểu dự án) để địa phương thuận lợi, chủ động trong việc điều hành vốn theo hướng ưu tiên cho những nội dung cấp thiết.

Việc lồng ghép nguồn lực cần được hướng dẫn cụ thể; quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho cơ quan phối hợp, cơ quan chủ trì, thủ tục, hồ sơ xây dựng dự án, thanh quyết toán, tổng hợp báo cáo.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP(KT), TH, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, KTBngoc101

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên